

Số: ~~2377~~/QĐ-UBND

Bình Định, ngày ~~03~~ tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể
Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ
tỉnh Bình Định (JICA 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-CTUBND ngày 12/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt dự án đầu tư Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (Dự án JICA2) tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-CTUBND ngày 22/4/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (DA JICA2) tỉnh Bình Định;

Thực hiện văn bản số 116/DALN-JICA2 ngày 22/01/2015 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc suất đầu tư các gói thầu dự án JICA2 và phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 26/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thông báo số 8678/TB-BNN-VP ngày 12/10/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT về việc Thông báo kết luận của Thứ trưởng Hà Công Tuấn, Trưởng Ban Chỉ đạo trung ương Dự án JICA2 tại Hội nghị Ban chỉ đạo TW lần thứ 5;

Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-BNN-KH ngày 26/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2017 dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” – Dự án JICA2;

Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-DALN-KHKT ngày 26/4/2017 của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động và ngân sách năm 2017 dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” – Dự án JICA2 tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 685/DALN-JICA2 ngày 04/5/2017 của Ban quản lý các dự án lâm nghiệp về việc thống nhất mở rộng vùng dự án;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 275/BC-SKHĐT ngày 27/06/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

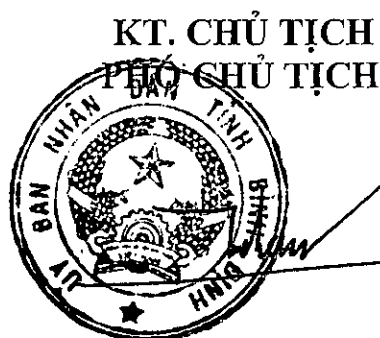
Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể Dự án Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định (JICA 2) với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 26/3/2016 và Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh..

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban quản lý dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định (JICA2) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b)



Trần Châu

Phụ lục I

PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TỔNG THỂ

Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số ~~2317~~ /QĐ-UBND ngày 03 /7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
A	HÀNG HÓA		1.719,903	1.185,409	534,494						
	Năm 2012		141,386	0,000	141,386						
1	Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc đợt 1 năm 2012	JICA2-BĐ-HH2	90,250		90,250	Chỉ định thầu	2012	Công ty TNHH Hoàng Sơn Computer	Trọn gói	15 ngày	Quyết định số 3927/QĐ-SNN ngày 14/12/2012
2	Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc đợt 2 năm 2012	JICA2-BĐ-HH3	51,136		51,136	Chỉ định thầu	2012	Công ty TNHH Hoàng Sơn Computer	Trọn gói	10 ngày	Quyết định số 4005/QĐ-SNN ngày 19/12/2012
	Năm 2013		1.103,338	930,229	173,109						
3	Mua sắm thiết bị văn phòng làm việc đợt 3 năm 2013	JICA2-BĐ-HH4	68,080		68,080	Chào hàng cạnh tranh trong nước	2013	Công ty TNHH Hoàng Sơn Computer	Trọn gói	10 ngày	Quyết định số 3590/QĐ-SNN ngày 05 /11/2013
4	Mua sắm xe máy	JICA2-BĐ-HH1	200,258	171,138	29,120	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2013	Công ty TNHH Trung Hùng	Trọn gói	10 ngày	Quyết định số 4278/QĐ-SNN ngày 13/12/2013
5	Mua sắm ô tô	JICA2-TW-HH5	835,000	759,091	75,909	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2013		Trọn gói	30 ngày	BQLDA JICA2 TW tuyển chọn nhà thầu cho 11 tỉnh
	Năm 2014		102,483	0,000	102,483						
6	Mua sắm thiết bị văn phòng năm 2014	JICA2-BĐ-HH5	80,900		80,900	Chào hàng cạnh tranh trong nước	2014	Công ty TNHH Hoàng Sơn Computer	Trọn gói	30 ngày	Quyết định số 3039/QĐ-SNN ngày 26/8/2014
7	Bảo hiểm xây dựng công trình Đường lâm nghiệp năm 2014.	JICA2-BĐ-HH6	21,583		21,583	Chỉ định thầu	2014	Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Trọn gói	16 tháng	Quyết định số 2917/QĐ-SNN ngày 14/8/2014

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
	Năm 2015		280,698	255,180	25,518						
8	Thiết bị PCCCR	JICA2-TW-HH6	280,698	255,180	25,518	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2015	Cty TNHH TM và DV Hùng Thắng	Trọn gói		BQLDA JICA2 TW tuyển chọn nhà thầu cho 11 tỉnh
	Năm 2016		91,998	0,000	91,998						
9	Mua sắm thiết bị văn phòng đợt 7	JICA2-BĐ-HH7	91,998		91,998	Chào hàng cạnh tranh trong nước	2016	Công ty cổ phần Thiên An Phú	Trọn gói	20 ngày	Quyết định số 4590/QĐ-SNN ngày 16/12/2016
B	DỊCH VỤ TƯ VẤN		1.264,279	-	1.238,022						
	Năm 2014		457,187	0,000	457,187						
10	Tư vấn giám sát thi công công trình Đường lâm nghiệp năm 2014	JICA2-BĐ-TV2	242,528		242,528	Chỉ định thầu	2014	Công ty TNHH Nguyên Khôi	Theo tỷ lệ phần trăm	238 ngày	Quyết định số 2432/QĐ-SNN ngày 09/7/2014
11	Tư vấn giám sát vườn ươm năm 2014	JICA2-BĐ-TV4	11,671		11,671	Chỉ định thầu	2014	Cty TNHH tư vấn lâm nghiệp Miền Trung	Theo tỷ lệ phần trăm	170 ngày	Quyết định số 1797/QĐ-SNN ngày 30/5/2015
12	Tư vấn giám sát thi công công trình bảng thông tin tuyên truyền	JICA2-BĐ-TV5	3,501		3,501	Chỉ định thầu	2014	Công ty TNHH Nguyên Khôi	Theo tỷ lệ phần trăm	118 ngày	Quyết định số 1798/QĐ-SNN ngày 30/5/2015
13	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình lâm sinh năm 2014	JICA2-BĐ-TV6	122,368		122,368	Chỉ định thầu	2014	Cty TNHH tư vấn lâm nghiệp Miền Trung	Theo tỷ lệ phần trăm	20 ngày	Quyết định số 1662/QĐ-SNN ngày 23/5/2014
14	Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và dự toán khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên năm 2014 bổ sung	JICA2-BĐ-TV6A	40,174		40,174	Chỉ định thầu	2014	Cty TNHH tư vấn lâm nghiệp Miền Trung	Theo tỷ lệ phần trăm	15 ngày	Quyết định số 4070/QĐ-SNN ngày 11/11/2014
15	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán bảng thông tin tuyên truyền	JICA2-BĐ-TV7	4,000		4,000	Chỉ định thầu	2014	Công ty TNHH Nguyên Khôi	Theo tỷ lệ phần trăm	15 ngày	Quyết định số 14/QĐ-SNN ngày 12/2/2014

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
16	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán vườn ươm	JICA2-BĐ-TV8	4,000		4,000	Chỉ định thầu	2014	Cty CP TV thiết kế xây dựng Đại Nam	Theo tỷ lệ phần trăm	20 ngày	Quyết định số 1665/QĐ-SNN ngày 23/5/2014
17	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán đường lâm nghiệp	JICA2-BĐ-TV9	27,004		27,004	Chỉ định thầu	2014	Cty CP Tư vấn T27 - Chi nhánh tại Bình Định	Theo tỷ lệ phần trăm	20 ngày	Quyết định số 1686/QĐ-SNN ngày 26/5/2014
18	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán đường ranh cản lửa	JICA2-BĐ-TV10	1,941		1,941	Chỉ định thầu	2014	Cty TNHH tư vấn lâm nghiệp Miền Trung	Theo tỷ lệ phần trăm	20 ngày	Quyết định số 1663/QĐ-SNN ngày 23/5/2014
	Năm 2015		665,050	0,000	638,793						
19	Tư vấn giám sát xây dựng Đường bê tông nông thôn năm 2015 - 10,079 km (Vĩnh An 5km; Vĩnh Kim 2,579 km; Mỹ Phong 2,5km)	JICA2-BĐ-TV12	404,951		378,694	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH TVXD Phong Phú	Trọn gói	Theo thời gian thi công	QĐ 3532/QĐ-SNN ngày 21/10/2015
20	Tư vấn giám sát Đường lâm nghiệp năm 2015 - 11,2 km (Hoài Ân 7,2 km; Hoài Nhơn 2 km; Phù Mỹ 2 km)	JICA2-BĐ-TV13	77,021		77,021	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH tư vấn xây dựng D.S.B.B	Trọn gói	Theo thời gian thi công	QĐ 3319/QĐ-SNN ngày 02/10/2016
21	Tư vấn giám sát Công trình Xây dựng trạm bảo vệ rừng, Chòi canh lửa năm 2015 (Vĩnh Thạnh: 01 trạm, 01 chòi; Tây Sơn: 01 chòi; Hoài Ân: 01 trạm, 02 chòi; Hoài Nhơn: 01 trạm, 01 chòi; Phù Mỹ: 01 trạm)	JICA2-BĐ-TV14	54,703		54,703	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH Nguyễn Khôi	Trọn gói	Theo thời gian thi công	QĐ 3231/QĐ-SNN ngày 29/9/2015
22	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng Đường lâm nghiệp năm 2015 - 11,2km (Hoài Ân 7,2 km; Hoài Nhơn 2 km; Phù Mỹ 2 km)	JICA2-BĐ-TV15	9,281		9,281	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH TVXD H.T.C	Trọn gói	20 ngày	QĐ 2254/QĐ-SNN ngày 16/7/2015
23	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán xây dựng Đường Ranh cản lửa năm 2015 - 13,38 km (Hoài Nhơn 2 km; Phù Mỹ 6,94 km; Vĩnh Thạnh 1,15 km; Tây Sơn 3,29 km)	JICA2-BĐ-TV16	1,094		1,094	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH TV lâm nghiệp Miền Trung	Trọn gói	20 ngày	QĐ 1570/QĐ-SNN ngày 01/6/2015
24	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán Công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 - 750,6 ha (Hoài Ân 115,38 ha; Hoài Nhơn 161,6 ha; Phù Mỹ 231,28 ha ; Vĩnh Thạnh 105,77 ha; Tây Sơn 136,77 ha)	JICA2-BĐ-TV17	75,479		75,479	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH TV lâm nghiệp Miền Trung	Trọn gói	20 ngày	QĐ 1569/QĐ-SNN ngày 01/6/2015

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đợt vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
25	Thăm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật và dự toán xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2015 - 10,079 km (Vĩnh An 5km; Vĩnh Kim 2,579 km; Mỹ Phong	JICA2-BĐ-TV19	42,521		42,521	Chỉ định thầu	2015	Cty TNHH TVXD H.T.C	Trộn gói	20 ngày	QĐ 2428/QĐ-SNN ngày 31/7/2015
	Năm 2016		142,042		142,042						
26	Thăm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán Công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2016	JICA2-BĐ-TV21	25,665		25,665	Chỉ định thầu	Quý II 2016		Trộn gói	15 ngày	QĐ 2048/QĐ-SNN ngày 28/6/2016
27	Thăm tra HSTKKT-BV-DTXD Đường bê tông nông thôn năm 2016 12.528 km	JICA2-BĐ-TV22	10,671		10,671	Chỉ định thầu	Quý IV 2016		Trộn gói	20 ngày	QĐ 4159/QĐ-SNN ngày 18/11/2016
28	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn huyện Hoài Ân năm 2016	JICA2-BĐ-TV23	105,706		105,706	Chỉ định thầu	Quý IV 2016		Trộn gói	Theo thời gian thi công (85 ngày)	QĐ 4844/QĐ-SNN ngày 29/12/2016
C	XÂY LẬP		116.104,865	112.645,430	3.459,436						
	Năm 2013		11.738,608	11.738,608	0,000						
29	Rà phá bom mìn, vật nổ	JICA2-TW-XL1	11.738,608	11.738,608		Chỉ định thầu	2013		Theo đơn giá cố định	18 tháng	BQLDA JICA2 TW tuyển chọn nhà thầu cho 11 tỉnh
	Năm 2014		53.133,482	52.188,150	945,332						
30	Bảng thông tin tuyên truyền năm 2014	JICA2-BĐ-XL25	170,550	155,045	15,505	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2014	Cty TNHH quảng cáo, nội thất và xây dựng Tân Tiến	Trộn gói	118 ngày	Quyết định số 2288/QĐ-SNN ngày 26/6/2014
31	Vườn ươm năm 2014	JICA2-BĐ-XL26	568,528	516,844	51,684	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2014	Liên danh DNTN Xây dựng Mười Tùng, Cty TNHH Thanh Tuấn, Cty TNHH xây dựng TH Hiền Hoà, Cty CP ĐT và KD tổng hợp Thương Thảo	Trộn gói	170 ngày	Quyết định số 2287/QĐ-SNN ngày 26/6/2014

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
32	Đường lâm nghiệp năm 2014	JICA2-BĐ-XL19	9.659,599	8.781,456	878,143	Đấu thầu rộng rãi trong nước	2014	Liên danh Công ty TNHH Tân Lập, Cty TNHH Thanh Tuấn, Cty CP ĐT và KD tổng hợp Thương Thảo, Cty TNHH xây dựng TH Đại An Phú	Trộn gói	238 ngày	Quyết định số 2872/QĐ-SNN ngày 13/8/2014
33	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Tây Sơn	JICA2-BĐ-XL1	7.465,204	7.465,204		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 3047/QĐ-SNN ngày 27/8/2014
	Trồng mới và chăm sóc rừng trồng		6.107,733	6.107,733							
	Bảo vệ rừng		1.357,471	1.357,471							
34	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Vĩnh Thạnh	JICA2-BĐ-XL5	6.903,061	6.903,061		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 2877/QĐ-SNN ngày 13/8/2014
	Trồng mới và chăm sóc rừng trồng (55,4 ha)		1.662,545	1.662,545							
	Bảo vệ rừng		299,877	299,877							
	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên		4.940,639	4.940,639							
35	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Hoài Ân	JICA2-BĐ-XL3	6.162,458	6.162,458		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 3048/QĐ-SNN ngày 27/8/2014
	Trồng mới và chăm sóc rừng trồng		1.677,339	1.677,339							

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên		4.485,119	4.485,119							
36	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Hoài Nhơn (87,12 ha)	JICA2-BĐ-XL2	2.626,313	2.626,313		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn	Theo đơn giá cố định	48 tháng	Quyết định số 2874/QĐ-SNN ngày 13/8/2014
37	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Phù Mỹ	JICA2-BĐ-XL4	7.316,668	7.316,668		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 3049/QĐ-SNN ngày 27/8/2014
	Trồng mới và chăm sóc rừng trồng		6.697,629	6.697,629							
	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên		619,039	619,039							
38	Đường ranh cản lửa huyện Hoài Nhơn	JICA2-BĐ-XL21	112,649	112,649		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn	Trộn gói	110 ngày	Quyết định số 3221/QĐ-SNN ngày 06/9/2014
39	Đường ranh cản lửa huyện Hoài Ân	JICA2-BĐ-XL21A	40,883	40,883		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	Trộn gói	110 ngày	Quyết định số 3222/QĐ-SNN ngày 06/9/2014
40	Đường ranh cản lửa huyện Tây Sơn	JICA2-BĐ-XL21B	136,699	136,699		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	Trộn gói	110 ngày	Quyết định số 3223/QĐ-SNN ngày 06/9/2014
41	Đường ranh cản lửa huyện Vĩnh Thạnh (3,35 km)	JICA2-BĐ-XL21C	101,765	101,765		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	Trộn gói	110 ngày	Quyết định số 3224/QĐ-SNN ngày 06/9/2014
42	Đường ranh cản lửa huyện Phù Mỹ	JICA2-BĐ-XL21D	125,506	125,506		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ	Trộn gói	110 ngày	Quyết định số 3176/QĐ-SNN ngày 05/9/2014
43	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Phù Mỹ năm 2014 bổ sung (KNTSTN)	JICA2-BĐ-XL4A	759,199	759,199		Chỉ định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 4280/QĐ-SNN ngày 27/11/2014

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
44	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Vĩnh Thạnh năm 2014 bổ sung(KNTSTN)	JICA2-BĐ-XL5A	4.800,478	4.800,478		Chi định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 4282/QĐ-SNN ngày 27/11/2014
45	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Hoài Ân năm 2014 bổ sung(KNTSTN)	JICA2-BĐ-XL3A	4.555,199	4.555,199		Chi định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 4279/QĐ-SNN ngày 27/11/2014
46	Phát triển rừng phòng hộ tại huyện Tây Sơn năm 2014 bổ sung (BVR)	JICA2-BĐ-XL1A	1.628,723	1.628,723		Chi định thầu	2014	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	Theo đơn giá cố định	60 tháng	Quyết định số 4281/QĐ-SNN ngày 27/11/2014
	Năm 2015		41.147,762	38.936,277	2.211,485						
47	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 tại huyện Tây Sơn (136,77 ha)	JICA2-BĐ-XL 27	4.104,736	4.104,736		Chi định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	Theo đơn giá cố định	4 năm	2632/QĐ-SNN ngày 13/8/2015
48	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 tại huyện Hoài Nhơn (26,7 ha)	JICA2-BĐ-XL 28	795,052	795,052		Chi định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn	Theo đơn giá cố định	4 năm	2631/QĐ-SNN ngày 13/8/2015
49	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 tại huyện Hoài Ân (107,06 ha)	JICA2-BĐ-XL 29	3.216,483	3.216,483		Chi định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	Theo đơn giá cố định	4 năm	2629/QĐ-SNN ngày 13/8/2015
50	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 tại huyện Phù Mỹ (207,42 ha)	JICA2-BĐ-XL 30	6.324,559	6.324,559		Chi định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ	Theo đơn giá cố định	4 năm	2630/QĐ-SNN ngày 13/8/2015
51	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2015 tại huyện Vĩnh Thạnh (74,4 ha)	JICA2-BĐ-XL 31	2.240,764	2.240,764		Chi định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	Theo đơn giá cố định	4 năm	2633/QĐ-SNN ngày 13/8/2015
52	- Hỗ trợ phát triển sinh kế và tập huấn	JICA2-BĐ-XL 32	2.855,700	2.596,091	259,609	Chi định thầu	2015	Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư Bình Định	Trọn gói	24 tháng	4672/QĐ-SNN ngày 30/12/2015
53	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2015 tại huyện Vĩnh Thạnh - 2,472 km	JICA2-BĐ-XL 33	4.238,678	3.853,344	385,334	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Liên danh Cty TNHH Thanh Tuấn và Cty TNHH XD Thành Lộc	Trọn gói	85 ngày	3622/QĐ-SNN ngày 29/10/2015
54	Xây dựng Đường bê tông nông thôn năm 2015 tại huyện Tây Sơn - 5 km	JICA2-BĐ-XL 34	7.160,000	6.509,091	650,909	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Liên danh Cty TNHH XD tổng hợp Hiếu Ngọc và Cty TNHH XD Nguyễn Tín	Trọn gói	120 ngày	3761/QĐ-SNN ngày 09/11/2015
55	Xây dựng Đường bê tông nông thôn năm 2015 tại huyện Phù Mỹ - 2,5 km	JICA2-BĐ-XL 52	4.200,555	3.818,686	381,869	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Cty TNHH XD tổng hợp Đại An Phú	Trọn gói	03 tháng	3621/QĐ-SNN ngày 29/10/2015

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đơn vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
56	Xây dựng Đường lâm nghiệp năm 2015 - 9,549 km (Hoài Ân 7,549 km, Phù Mỹ 2 km)	JICA2-BĐ-XL 35	3.099,292	2.817,538	281,754	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Cty TNHH XD Thành Lộc	Trọn gói	06 tháng	3376/QĐ-SNN ngày 07/10/2015
57	Xây dựng Đường ranh cản lửa năm 2015 huyện Tây Sơn - 3,29 km	JICA2-BĐ-XL 37	74,490	70,943	3,547	Chỉ định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	Trọn gói	04 năm	1816/QĐ-SNN ngày 19/6/2015
58	Xây dựng Đường ranh cản lửa năm 2015 huyện Vĩnh Thạnh - 1,15 km	JICA2-BĐ-XL 38	28,878	27,503	1,375	Chỉ định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	Trọn gói	04 năm	2346/QĐ-SNN ngày 24/7/2015
59	Xây dựng Đường ranh cản lửa năm 2015 huyện Phù Mỹ - 6,94 km	JICA2-BĐ-XL 39	190,275	181,214	9,061	Chỉ định thầu	2015	Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ	Trọn gói	04 năm	2347/QĐ-SNN ngày 24/7/2015
60	Xây dựng Công trình Trạm bảo vệ rừng, Chòi canh lửa năm 2015 (Vĩnh Thạnh: 01 trạm, 01 chòi; Tây Sơn: 01 chòi)	JICA2-BĐ-XL 40	672,657	611,506	61,151	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Cty CP XD An Nghĩa	Trọn gói	120 ngày	3375/QĐ-SNN ngày 07/10/2015
61	Xây dựng Công trình Trạm bảo vệ rừng, Chòi canh lửa năm 2015 (Hoài Ân: 01 trạm, 02 chòi; Hoài Nhơn: 01 trạm, 01 chòi)	JICA2-BĐ-XL 41	1.124,805	1.022,550	102,255	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Liên danh Cty CP XD An Nghĩa và DNTN XD Quang Đạt	Trọn gói	120 ngày	3373/QĐ-SNN ngày 07/10/2015
62	Xây dựng Công trình Trạm bảo vệ rừng, Chòi canh lửa năm 2015 (Phù Mỹ: 01 trạm, 03 chòi;)	JICA2-BĐ-XL 42	820,838	746,216	74,622	Đấu thầu cạnh tranh trong nước	2015	Cty CP XD An Nghĩa	Trọn gói	120 ngày	3374/QĐ-SNN ngày 07/10/2015
	Năm 2016		10.085,014	9.782,395	302,619						
63	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2016 tại huyện Hoài Ân (198,84 ha)	JICA2-BĐ-XL 44	5.959,176	5.959.176		Chỉ định thầu	Quý III 2016		Theo đơn giá cố định	2016-2019	Quyết định số 2671/QĐ-SNN ngày 17/8/2016
64	- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2016 tại huyện Phù Mỹ (26,55 ha)	JICA2-BĐ-XL 45	797,031	797.031		Chỉ định thầu	Quý III 2016		Theo đơn giá cố định	2016-2019	Quyết định số 2672/QĐ-SNN ngày 17/8/2016
65	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2016 tại huyện Hoài Ân - 2,5 km	JICA2-BĐ-XL 50	3.328,807	3.026.188	302.619	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Quý IV 2016		Trọn gói	85 ngày	Quyết định số 798/QĐ-SNN ngày 10/3/2017
D	Tư vấn vốn ODA		639,989	620,646	19,343						
	Năm 2014		639,989	620,646	19,343						

TT	Tên gói thầu	Số hiệu gói thầu	Giá trị thực hiện (gói thầu)	Nguồn vốn		Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Đợt vị trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Quyết định phê duyệt
				ODA	Đối ứng						
66	Đào tạo tập huấn PCCCR	JICA2-BĐ-TV1	233,777	233,777		Chi định thầu	2014	Kiểm lâm vùng II	Trộn gói	02 tháng	Quyết định số 4217/QĐ-SNN ngày 24/11/2014
67	Khảo sát đánh giá nhu cầu phát triển sinh kế tại các xã tham gia dự án	JICA2-BĐ-TV11	406,212	386,869	19,343	Chi định thầu	2014	Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư Bình Định	Trộn gói	02 tháng	Quyết định số 4199/QĐ-SNN ngày 21/11/2014
TỔNG CỘNG			119.729,037	114.451,485	5.251,295						

156.212,901 101.081,000
3,000

18.508

BÌNH ĐỊNH

Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TỔNG THỂ ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NĂM 2017

Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số ~~2317~~ QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Tên gói thầu	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 23/6/2016; Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 11/11/2016									Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phê duyệt điều chỉnh									Ghi chú	
		Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tên gói thầu	Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
			Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng								Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng						
A	DỊCH VỤ TƯ VẤN		431,082	0,000	431,082						DỊCH VỤ TƯ VẤN		492,062	0,000	492,062						
1	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán Công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017	JICA2-BĐ-TV26	63,026		63,026	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý II 2017	Trộn gói	20 ngày	Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán Công trình Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 (426,83 ha)	JICA2-BĐ-TV26	58,407		58,407	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý II 2017	Trộn gói	10 ngày	
2	Thẩm tra HSTKKT-BV-DTXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 10,028 km	JICA2-BĐ-TV26	39,618		39,618	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III 2017	Trộn gói	20 ngày	Thẩm tra HSTKKT-BV-DTXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 (10,03 km)	JICA2-BĐ-TV28	39,626		39,626	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trộn gói	10 ngày	
3											Thẩm tra HSTKKT-BV-DTXD Đường lâm nghiệp năm 2017 huyện Văn Canh (2,82 km)	JICA2-BĐ-TV29	4,000		4,000	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trộn gói	10 ngày	
4											Thẩm tra HSTKKT-BV-DTXD Đường ranh căn lửa năm 2017- 8,03 km	JICA2-BĐ-TV30	4,000		4,000	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý II 2017	Trộn gói	10 ngày	
5											Thẩm tra HSTKKT-BV-DTXD Trạm bảo vệ rừng năm 2017 huyện Văn Canh (01 trạm)	JICA2-BĐ-TV31	4,000		4,000	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trộn gói	10 ngày	
6	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Hoài Nhơn	JICA2-BĐ-TV24	218,144		218,144	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III 2017	Trộn gói	Theo thời gian thi công	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Hoài Nhơn (2km)	JICA2-BĐ-TV24	87,258		87,258	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trộn gói	Theo thời gian thi công	
7	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Vĩnh Thạnh	JICA2-BĐ-TV25	110,294		110,294	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III 2017	Trộn gói	Theo thời gian thi công	Không thực hiện										

T T	Tên gói thầu	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 23/6/2016; Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 11/11/2016									Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phê duyệt điều chỉnh									Ghi chú	
		Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tên gói thầu	Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng
			Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng								Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng						
8	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Hoài Ân	JICA2-BĐ-TV27	109,072		109,072	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý III 2017	Trọn gói	Theo thời gian thi công	Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Hoài Ân (2km)	JICA2-BĐ-TV27	87,258		87,258	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trọn gói	Theo thời gian thi công	
9											Tư vấn GSXD Đường bê tông nông thôn năm 2017 huyện Văn Canh (6,3 km)	JICA2-BĐ-TV32	263,082		263,082	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trọn gói	Theo thời gian thi công	
10											Tư vấn GSXD Đường lâm nghiệp, Trạm bảo vệ rừng năm 2017 huyện Văn Canh	JICA2-BĐ-TV33	31,689		31,689	Chỉ định thầu	Chỉ định thầu rút gọn	Quý IV 2017	Trọn gói	Theo thời gian thi công	
C	XÂY LẬP		35.500,661	33.948,171	1.552,490								35.991,802	34.284,690	1.707,113						
11	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 tại huyện Hoài Nhơn (70 ha)	JICA2-BĐ-XL 54	2.101,400	2.101,400		Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Theo đơn giá cố định	2017-2020	Không thực hiện										
12	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 tại huyện Hoài Ân (226 ha)	JICA2-BĐ-XL 55	6.784,520	6.784,520		Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Theo đơn giá cố định	2017-2020	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 tại huyện Hoài Ân (122.6 ha)	JICA2-BĐ-XL 55	4.904,000	4.904,000		Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Theo đơn giá cố định	2017-2020	
13	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 tại huyện Văn Canh (317.7 ha)	JICA2-BĐ-XL 56	9.537,354	9.537,354		Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Theo đơn giá cố định	2017-2020	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng năm 2017 tại huyện Văn Canh (304,23 ha)	JICA2-BĐ-XL 56	12.169,200	12.169,200		Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Theo đơn giá cố định	2017-2020	
14	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện Hoài Nhơn - 5 km	JICA2-BĐ-XL 51	8.514,605	7.740,550	774,055	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Trọn gói	06 tháng	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện Hoài Nhơn (2 km)	JICA2-BĐ-XL 51	3.405,842	3.096,220	309,62	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV 2017	Trọn gói	04 tháng	
15	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện Vĩnh Thạnh - 2,528 km	JICA2-BĐ-XL 53	4.304,984	3.913,622	391,362	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Trọn gói	06 tháng	Không thực hiện										

T T	Tên gói thầu	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 23/6/2016; Quyết định số 4095/QĐ-UBND ngày 11/11/2016									Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phê duyệt điều chỉnh										Ghi chú
		Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tên gói thầu	Số hiệu	Giá gói thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	
			Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng								Tổng số	Vốn ODA	Vốn đối ứng						
16	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện Hoài Ân- 2,5 km	JICA2-BĐ-XL 54	4.257,798	3.870,725	387.073	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Trộn gói	06 tháng	Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện.Hoài Ân (2 km)	JICA2-BĐ-XL 57	3.405,842	3.096,22	309,62	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV 2017	Trộn gói	04 tháng	
17											Xây dựng đường bê tông nông thôn năm 2017 tại huyện Vân Canh (6,03 km)	JICA2-BĐ-XL 58	10.268,614	9.335,103	933,51	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV 2017	Trộn gói	08 tháng	
18											Xây dựng đường Lâm nghiệp và Trạm bảo vệ rừng năm 2017 tại huyện Vân Canh	JICA2-BĐ-XL 59	1.543,540	1.403,218	140,32	Đấu thầu rộng rãi	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV 2017	Trộn gói	06 tháng	
19											Xây dựng Đường ranh cản lửa năm 2017 tại huyện Vân Canh (5.79 km)	JICA2-BĐ-XL 61	212,54	202,42	10,12	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Trộn gói	04 tháng	
20											Xây dựng Đường ranh cản lửa năm 2017 tại huyện Hoài Ân (2,24 km)	JICA2-BĐ-XL 62	82,23	78,31	3,92	Chỉ định thầu	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý III 2017	Trộn gói	03 tháng	
TỔNG CỘNG			35.931,743	33.948,171	1.983,572								36.483,865	34.284,690	2.199,175						



 H.Đ.Đ.

Phụ lục III

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU TỔNG THỂ

Đầu tư phát triển và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Hợp phần	Khối lượng	Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 29/5/2015						Kế hoạch lựa chọn nhà thầu phê duyệt điều chỉnh						
			Nguồn vốnODA (triệu yên)			Quy ra VNĐ (triệu đồng)			Khối lượng	Nguồn vốnODA (triệu yên)			Quy ra VNĐ (triệu đồng)		
			Tổng số	Vốn Vay	Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn Vay	Vốn đối ứng		Tổng số	Vốn Vay	Vốn đối ứng	Tổng số	Vốn Vay	Vốn đối ứng
1	Rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc hoá học	2.101 ha	18,20	18,20		4.911,807	4.911,807		720 ha	43,40	43,40		11.738,608	11.738.608	
2	Phát triển rừng phòng hộ		340,30	340,30		91.964,651	91.964,651			317,30	317,30		85.754,492	85.754.492	
2.1	Trồng rừng mới và chăm sóc rừng trồng	2101,2 ha	252,00	252,00		68.118,907	68.118,907		1838,04 ha	230,50	230,50		62.308,748	62.308.748	
2.2	Bảo vệ rừng	2.686 ha	12,20	12,20		3.286,071	3.286,071		2.686 ha	12,20	12,20		3.286,071	3.286,071	
2.3	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	3.452 ha	76,10	76,10		20.559,673	20.559,673		3.452 ha	74,60	74,60		20.159,673	20.159,673	
3	Hỗ trợ phát triển sinh kế		10,90	10,90		2.983,000	2.983,000			11,00	11,00		2.982,960	2.982.960	
4	Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế		128,90	128,90		34.832,475	34.832,475			121,10	121,10		32.734,852	32.734.852	
5	Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh		65,30	65,30		17.636,090	17.636,090			30,90	30,90		8.350,808	8.350.808	
6	Kiểm soát phòng chống cháy rừng (trong đó có 01 xe pick up)		5,30	5,30		1.557,258	1.557,258			5,30	5,30		1.419,186	1.419.186	
7	Trượt giá		235,20	235,20		63.536,748	63.536,748			274,90	274,90		74.310,093	74.310.093	
8	Dự phòng		40,20	40,20		10.865,000	10.865,000			40,20	40,20		10.865,000	10.865,000	
9	Quản lý dự án		68,60	-	68,6	18.539,000		18.539,000		68,60	-	68,6	18.539,000		18.539,000
10	Thuế (nhập khẩu và VAT)		85,10	-	85,1	22.993,000		22.993,000		85,10	-	85,1	22.993,000		22.993,000
11	Lãi suất khoản vay		12,20	12,20		3.310,000	3.310,000			12,20	12,20		3.310,000	3.310,000	
12	Phí cam kết		10,40	10,40		2.804,000	2.804,000			10,40	10,40		2.804,000	2.804,000	
	Tổng		1.020	867	153	275.802,000	234.270,00	41.532,000		1.020	867	153	275.802,000	234.270,00	41.532,000

Thuyết minh: - Suất đầu tư được tính trượt giá lũy kế 12,6%/năm từ năm 2011 đến năm 2014

- Tỷ lệ quy đổi 1 đồng VND = 0,0037 đồng Yên Nhật.